

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 12 - 2024

V/v: “Kiện ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B.X, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Trúc

2. Bà Trương Thị Tuyết

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.X.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B.X tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B.X, Toà án nhân dân huyện B.X, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 94/2024/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc kiện “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H.T.L - sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn C.C, xã M.V, huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Anh L.V.K - sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn C.C, xã M.V, huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H.T.L trình bày: Chị H.T.L và anh L.V.K tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Trong quá trình sống chung chị H.T.L và anh L.V.K có nhiều quan điểm bất đồng trong việc nuôi dạy con cái, anh L.V.K luôn nghi ngờ chị Liên không chung thủy, thường xuyên gây sự, chửi mắng đánh nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc. Từ năm 2013 chị H.T.L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, chị H.T.L và anh L.V.K sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không có

quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị H.T.L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H.T.L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.V.K để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H.T.L và anh L.V.K có hai con chung cháu L.V.T, sinh ngày 03/01/1998 và cháu L.V.Đ, sinh ngày 08/02/2001. Đến nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành chị H.T.L không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Chị H.T.L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L.V.K trình bày: Anh L.V.K và chị H.T.L về chung sống với nhau từ năm 1995 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm quan điểm sống về cách nuôi dạy con cái và làm ăn kinh tế, năm 2013 chị H.T.L đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Đến nay anh L.V.K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H.T.L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh L.V.K và chị H.T.L có hai con chung cháu L.V.T, sinh ngày 03/01/1998 và cháu L.V.Đ, sinh ngày 08/02/2001. Đến nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành anh L.V.K không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Anh L.V.K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H.T.L như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị H.T.L và anh L.V.K là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Đến nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành chị H.T.L và anh L.V.K không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc ly hôn, các đương sự đều có địa chỉ tại thôn C.C, xã M.V, huyện B.X, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.X, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H.T.L và anh L.V.K tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1995, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Trong quá trình sống chung chị H.T.L và anh L.V.K có nhiều quan điểm bất đồng trong việc nuôi dạy con cái, làm ăn kinh tế, anh L.V.K luôn nghi ngờ chị Liên không chung thủy, thường xuyên gây sự, đánh chửi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2013 chị H.T.L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, chị H.T.L và anh L.V.K sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay không có quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay chị H.T.L xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.V.K. Chị H.T.L và anh L.V.K không đăng ký kết hôn mà sống chung như vợ chồng là trái pháp luật vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị H.T.L và anh L.V.K là quan hệ vợ chồng.

Tại đơn đề nghị xác nhận quan hệ hôn nhân ngày 31/10/2024 của chị H.T.L đã được Ủy ban nhân dân xã M.V, huyện B.X, tỉnh Lào Cai xác nhận chị H.T.L và anh L.V.K về chung sống từ năm 1995 từ đó đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị H.T.L và anh L.V.K có hai con chung cháu L.V.T, sinh ngày 03/01/1998 và cháu L.V.Đ, sinh ngày 08/02/2001. Đến nay các cháu đã đủ tuổi trưởng thành chị H.T.L không yêu cầu tòa án giải quyết. Hội đồng xét xét thấy là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung: Chị H.T.L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H.T.L thuộc hộ nghèo có giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân xã M.V và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 của ủy ban thường vụ Quốc hội chị H.T.L được miễn án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị H.T.L và anh L.V.K là quan hệ vợ chồng.

2. Về án phí: Chị H.T.L được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

4. Quyền kháng cáo: Chị H.T.L và anh L.V.K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKS huyện BX
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND xã M.V
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Hương